TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CĐ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST Ngày: 15-02-2023 V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ- TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thám.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Điệp.

Ông Nguyễn Minh Tân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Như Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 487/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn S, sinh năm 1985:

Địa chỉ thường trú: Ấp 5, xã LH, huyện CĐ, tỉnh Long An; Địa chỉ liên hệ: 3E1 đường ĐVĐ, phường 7, Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S: Ông Lê Nhật H – Luật sư Văn phòng Luật sư Hoàng Gia – thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre;

Địa chỉ: Số 424/1D, đường TVK, ấp AT A, xã Mỹ TM, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Thanh G, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp 5, xã LH, huyện CĐ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 23 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Văn S trình bày: Ông và bà Nguyễn Ngọc Thanh G tổ chức hôn lễ cưới vào năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện CĐ ngày 18/7/2008, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79/2008, quyển số 01/2008. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu Phan Nguyễn Ngọc Phương Nh, sinh ngày 05/01/2009 và cháu Phan Nguyễn Ngọc Khôi M, sinh ngày 09/11/2012. Trong cuộc sống thì

ông và bà G bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn bất hòa nên đã ly thân ông về sinh sống tại Bến Tre từ năm 2019 đến nay. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Thanh G. Về con chung hiện nay đang ở với bà G nên ông đề nghị giao con chung cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày tại phiên tòa: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh G vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và nộp đơn xin vắng mặt ngày 18/11/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Phan Văn S và bà Nguyễn Ngọc Thanh G có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã TT, huyện CĐ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/7/2008, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79/2008, quyển số 01/2008 nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Bà Nguyễn Ngọc Thanh G là bị đơn, hiện nay có hộ khẩu thường trú tại xã LH, huyện CĐ nên khi ông S có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.3] Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh G có đơn xin vắng mặt ngày 18/11/2022 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông S nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà G và theo ông S thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là bất đồng về tư tưởng, lối sống và vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Đồng thời bà G xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến trình bày cho thấy bà G không có thiện chí hàn gắn tình cảm với ông S. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông S và bà G không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu ly hôn của ông Phan Văn S là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông S và bà G hai con chung là cháu Phan Nguyễn Ngọc Phương Nh, sinh ngày 05/01/2009 và cháu Phan Nguyễn Ngọc Khôi M, sinh ngày 09/11/2012, hiện nay cháu Nh và cháu M đang ở với bà G. Khi ly hôn, ông S đề nghị giao con chung cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng. Hiện nay cháu M và cháu Nh đang ở với bà G nên tiếp tục giao cho bà G nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà G không có ý kiến yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông S xác định không có.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Văn S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông Phan Văn S đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh G.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn S được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Thanh G.

Về nuôi con chung: Giao cho bà Nguyễn Ngọc Thanh G được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Phan Nguyễn Ngọc Phương Nh, sinh ngày 05/01/2009 và cháu Phan Nguyễn Ngọc Khôi M, sinh ngày 09/11/2012.

Tạm thời ghi nhận ông Phan Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Văn S phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0000710 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CĐ, tỉnh Long An, ông S đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, ông Phan Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Ngọc Thanh G vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thám